

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0642010 - Vẽ kỹ thuật

STC : 4(60,0,0,0,0,0)

Lần thi : 2

Lớp :

Năm học : 2012-2013

Học kỳ : 1

| STT | Họ và tên        |        | MSSV       | Ngày sinh  | Điểm thi    |             | Điểm TKHP | Ghi chú |
|-----|------------------|--------|------------|------------|-------------|-------------|-----------|---------|
|     |                  |        |            |            | Giữa học kỳ | Cuối học kỳ |           |         |
| 1   | Phạm Nguyên      | Triệu  | 3645030003 | 21/02/1994 | 7,70        | ,00         | 3,80      |         |
| 2   | Nguyễn Bá Duy    | Thịnh  | 3645030020 | 21/04/1994 | 7,70        | ,00         | 3,80      |         |
| 3   | Phan Hữu         | Lộc    | 3645030022 | 10/10/1994 | 7,30        | 1,00        | 4,20      |         |
| 4   | Phạm Minh        | Tĩnh   | 3645030066 | 20/03/1994 | 7,00        | ,00         | 3,50      |         |
| 5   | Nguyễn Trần Hoài | An     | 3645030100 | 24/01/1993 | ,00         | ,00         | ,00       |         |
| 6   | Trần Quang       | Thái   | 3645030173 | 26/10/1994 | ,00         | 2,00        | 1,00      |         |
| 7   | Nguyễn Khánh     | Hưng   | 3645030223 | 06/07/1994 | 7,00        | 4,00        | 5,50      |         |
| 8   | Nguyễn Minh      | Trí    | 3645030225 | 19/11/1994 | 7,30        | 2,00        | 4,70      |         |
| 9   | Nguyễn Thanh     | Phương | 3645030242 | 08/12/1993 | ,00         | ,00         | ,00       |         |
| 10  | Nguyễn Thành     | Tâm    | 3645030294 | 11/07/1993 | 7,70        | 3,00        | 5,30      |         |
| 11  | Huỳnh Hoàng      | Nhã    | 3645030302 | 19/01/1993 | 6,70        | 4,00        | 5,30      |         |
| 12  | Nguyễn Linh      | Kha    | 3645030311 | 26/07/1993 | ,00         | ,00         | ,00       |         |
| 13  | Nguyễn Minh      | Long   | 3645030377 | 20/09/1993 | 7,70        | 1,00        | 4,30      |         |
| 14  | Phạm Anh         | Đức    | 3645030462 | 09/07/1993 | 5,30        | 2,00        | 3,70      |         |
| 15  | Dương Minh Bảo   | Châu   | 3645030519 | 18/10/1992 | 7,70        | 2,00        | 4,80      |         |
| 16  | Nguyễn Hồ Hải    | Dương  | 3645030530 | 04/06/1994 | 7,30        | 3,00        | 5,20      |         |
| 17  | Phạm Văn         | Hữu    | 3645031997 | 10/11/1992 | 5,30        | 1,00        | 3,20      |         |

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2013

Người lập bảng điểm  
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo  
(Họ tên và chữ ký)